TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **147**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2019

V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đỗ Duy Hừng**
2. Ông **Thân Văn Kỳ**
- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Luân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày **13** tháng **8** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 278/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/5/2019 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung khi ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Kim N**, sinh năm 1979.
Địa chỉ: ấp 3, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
* Bị đơn: Anh **Lê Ngọc B**, sinh năm 1978.
Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Chị N, anh B có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 16/4/2019 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh B cưới nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ theo giấy đăng ký kết hôn số 22 ngày 04/3/2010 vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 mâu thuẫn do anh B chơi cờ bạc, không chăm lo làm ăn để lo cho gia đình, vợ chồng ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 10/2018 cho tới nay. Do tình cảm không còn nên nay chị N yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc L, sinh ngày 27/12/1999 và Lê Ngọc K, sinh ngày 10/8/2009, hiện cháu L thành niên nên không yêu cầu Toà án

giải quyết, còn cháu K yêu cầu tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Theo đơn khởi kiện yêu cầu phản tố và bản tự khai ngày 04/6/2019 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn anh Lê Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B thống nhất với ý kiến trình bày của chị N về thời gian kết hôn có đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, do anh còn tình cảm với chị N nên anh B không đồng ý ly hôn mong vợ chồng hàn gắn đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc L, sinh ngày 27/12/1999 và Lê Ngọc K, sinh ngày 10/8/2009, hiện cháu Linh thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết, còn cháu K yêu cầu tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh B có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản gồm tiền bán đất 100.000.000 đồng, 01 chiếc xe APLAC biển số 63L1 – 65565 và 01 xe chiếc xe APLAC không nhớ biển số, 01 tủ nhựa, 01 tủ nhôm đựng quần áo, 01 tủ nhôm treo, 01 tủ lạnh, 01 máy giặc hiệu Sanyo, 01 bộ ly quăng, 01 ghế gỗ căm xe, 01 tivi Sony 43in, 01 âm ly, 01 cặp loa, 01 bộ vòng ximen 24 chiếc trọng lượng 10 chỉ vàng 18k, 01 sợi dây chuyền trọng lượng 10 chỉ vàng 18k hiện chị N đang quản lý, anh B yêu cầu chia ½ tài sản trên, nhưng tại phiên toà anh B xin rút lại toàn bộ đơn phản tố ngày 04/6/2019 về việc chia tài sản chung để vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh B cưới nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C theo giấy đăng ký kết hôn số 22 ngày 04/3/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 mâu thuẫn do anh B chơi cờ bạc, không chăm lo làm ăn để lo cho gia đình, vợ chồng ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 10/2018 cho tới nay. Do tình cảm không còn nên nay chị N yêu cầu ly hôn với anh B.

Xét, sau khi chị N và anh B xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1998, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian cho đến năm 2016 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh B chơi cờ bạc, không chăm lo làm ăn để lo cho gia đình. Tại phiên hoà giải ngày 31/5/2019 thì anh B đồng ý ly hôn với chị N nhưng tại phiên toà sơ thẩm anh B thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị N. Anh B cho rằng anh còn tình cảm chị N nên không đồng ý ly hôn, nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân tháng 10/2018 cho đến nay anh không đến nhà hoặc điện thoại để gặp chị N rước về. Đồng thời, theo xác nhận ngày 08/8/2019 của chính quyền địa phương ấp A, xã Đ cũng xác định trong thời gian

anh B và chị N chung sống thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, do anh B chơi cờ bạc không chăm lo làm ăn để lo cho gia đình, trong thời gian giải quyết vụ án và tại phiên toà thì anh B không đưa ra được một giải pháp nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Mặc dù, Tòa án đã động viên, hòa giải nhưng chị N vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh B. Từ những tình tiết này, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc L, sinh ngày 27/12/1999 và Lê Ngọc K, sinh ngày 10/8/2009, hiện cháu L đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết, còn cháu K thì tại phiên toà anh B và chị N thoả thuận giao cho chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh B không cấp dưỡng nuôi con. Xét, sự thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Ngày 04/6/2019 anh B có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung, nhưng ngày 31/7/2019 anh B có đơn xin rút lại toàn bộ đơn yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung để vợ chồng tự thoả thuận. Xét, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của anh B về việc yêu cầu chị N chia tài sản chung của vợ chồng.

[4] Về nợ chung: Tự thoả thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N, căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án nên chị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Kim N được ly hôn với anh Lê Ngọc B.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận giữa chị N và anh B giao cháu Lê Ngọc K, sinh ngày 10/8/2009 cho chị Trần Kim N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh Lê Ngọc B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu. Anh B có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của anh Lê Ngọc B về việc yêu cầu chị Trần Kim Ng chia tài sản chung của vợ chồng.

4. Về án phí: Chị Trần Kim N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 10177 ngày 02/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị N đã nộp xong tiền án phí.

Hoàn lại cho anh Lê Ngọc B số tiền 6.650.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm năm chục ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 10376 ngày 10/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Kim N, anh Lê Ngọc B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe

* ***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Thành viên Hội đồng xét xử	Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
	Hồ Văn Khoẻ
Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**
	Hồ Văn Khoẻ

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày **13** tháng **8** năm**2019**
Tại: Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khoẻ**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Thân Văn Kỳ**
2. Ông **Tống Văn Tư**

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 278/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/5/2019 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" giữa.

* Nguyên đơn: Chị **Trần Kim Nguyên**, sinh năm 1979.
Địa chỉ: ấp 3, xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
* Bị đơn: Anh **Lê Ngọc Bảo**, sinh năm 1978.
Địa chỉ: ấp An Hiệp, xã Đông Hoà Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%).

2. Về nội dung:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Kim Nguyên được ly hôn với anh Lê Ngọc Bảo.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Khang, sinh năm 2009 cho chị Trần Kim Nguyên tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh Lê Ngọc Bảo không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyên không có yêu cầu. Anh Bảo có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Tràn Kim Nguyên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 10177 ngày 02/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị Nguyên đã nộp xong tiền án phí.

Hoàn lại cho anh Lê Ngọc Bảo số tiền 6.650.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm năm chục ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 10376 ngày 10/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Kim Nguyên, anh Lê Ngọc Bảo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%).

3. Về các vấn đề khác:

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày **13** tháng **8** năm **2019.**

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Hồ Văn Khoẻ